

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc Ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ GD - ĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Công văn số 455/SGDĐT-GDTH ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cấp tiểu học;

Căn cứ kết quả đạt được trong năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Mỹ Thuận và tình hình thực tế của nhà trường và địa phương;

Căn cứ công văn 327/SGDĐT-CTHSSV ngày 03/2/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026;

Trường Tiểu học Mỹ Thuận xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026:

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương:

- Phường Mỹ Lộc nằm ở phía Bắc của tỉnh Nam Định cũ có địa giới hành chính giáp với các xã Bình An, Bình Giang, phường Đông A, phường Thành Nam và xã Hiến Khánh. Diện tích: 35,54km²; dân số khoảng 38000 người.

- Phường Mỹ Lộc là địa phương có truyền thống cách mạng. Về điều kiện kinh tế và văn hóa: tuy còn có những khó khăn song địa phương hiện đang có bước chuyển biến mạnh mẽ: Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá, thu nhập bình quân đầu người năm 2024 ước đạt 88triệu/người. Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật: Toàn phường có 26/42 thôn, tổ dân phố được công nhận khu dân cư kiểu mẫu.

- Các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ tăng trưởng cao. Trên địa bàn có 131 doanh nghiệp à trên 1800 cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động. Khu công nghiệp Mỹ Thuận có quy mô 158ha có ý nghĩa chiến lược tạo động lực thúc đẩy quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và tăng nguồn thu ngân sách địa phương.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 - 2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường:

- Trường có 15 lớp với tổng số 548, tỷ lệ 36,5 hs/ lớp, học sinh; nữ 274 học sinh; 2 học sinh KT

- Số HS lớp 1 tuyển mới: 107 em đạt tỉ lệ 100%

Trong đó:

Khối	Số lớp	Số HS	KT	Lưu ban năm học trước	Ghi chú
1	3	110	0	3	
2	3	132	0	0	
3	3	97	0	0	
4	3	109	0	0	
5	3	101	2	0	
Tổng	15	549	2	3	

- Số HS học 2 buổi/ngày: $548/548 = 100\%$

Các em học sinh của trường Tiểu học Mỹ Thuận có đầy đủ sách vở, đồ dùng học tập cần thiết, đa số các em ngoan, nghe lời thầy cô, bố mẹ, ông bà.... Nhiều em học sinh năng động, chấp hành tốt nội quy của lớp, trường, tích cực học tập và tham gia các hoạt động ngoại khóa, múa hát, TDTT,...

Tuy nhiên nhiều phụ huynh của các em làm công nhân tại khu công nghiệp thường xuyên tăng ca nên phần lớn thời gian về nhà các em ở với ông bà vì vậy sự quan tâm đến việc học hành còn hạn chế, cách kèm cặp các em ở nhà chưa có hiệu quả.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý.

Trường có 27 cán bộ GV, NV. Trong đó:

- + Ban giám hiệu: 02 người.
- + Văn phòng, Kế toán, y tế : 03 người (02 hợp đồng)
- + Giáo viên dạy văn hóa: 15 người (01 hợp đồng)
- + Giáo viên dạy bộ môn (Mỹ thuật, Nhạc, Tiếng Anh, Tin học, Thể dục): 07 người.

+ Trình độ giáo viên: Đại học: 18; Cao đẳng: 4; Trung cấp: 0

- Đội ngũ giáo viên trong nhà trường nhiệt tình có nhiều kinh nghiệm, năng động, nhiệt huyết, yêu nghề, có nghiệp vụ sư phạm vững vàng, có năng lực công tác, giảng dạy đảm bảo chất lượng.

- 100% giáo viên đã tham gia tập huấn đầy đủ các mô đun và các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức. Thường xuyên cập nhật những điểm mới trong việc thực hiện nội dung chương trình tiếp cận CT GDPT 2018.

2.3 Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Nhà trường vẫn còn 01 điểm trường lẻ nên ít nhiều còn khó khăn trong công tác quản lý và triển khai các hoạt động.

- Có đầy đủ các phòng học cho học sinh và các phòng chức năng.

- + Nhà trường có đủ phòng học 15 phòng/15lớp; trang thiết bị phục vụ dạy học tương đối đầy đủ.

- + Trường có hệ thống các phòng chức năng như phòng dạy: Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Phòng Tin học có 19 máy tính đảm bảo cho 02 học sinh/máy, hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy. 80% cán bộ, giáo viên, nhân viên ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và công việc.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung.

- Xây dựng một ngôi trường hạnh phúc đem lại nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Xây dựng kế hoạch GD đảm bảo tính khoa học, an toàn, linh hoạt quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học 2025-2026. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với tất cả các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5. Tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

- Chủ động và triển khai tích hợp giáo dục **STEM** vào các môn học cho phù hợp, hiệu quả, cuối học kì I và cuối năm có sản phẩm STEM để tổ chức triển lãm sản phẩm STEM toàn trường. Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng

của Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn với những yêu cầu cụ thể : Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM đảm bảo chất lượng và yêu cầu theo quy định. Chú trọng công tác tổ chức tập huấn, hướng dẫn các tổ chuyên môn và từng giáo viên triển khai thực hiện; tổ chức hội nghị chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm đảm bảo triển khai thực hiện giáo dục STEM tại các cơ sở giáo dục đạt chất lượng, hiệu quả và thiết thực.

- Tích cực thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục theo kế hoạch của ngành, từng bước xây dựng thành công trường học thông minh. Chuyển đổi số trong giáo dục là quá trình ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động giảng dạy, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Quá trình này bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau. Như ứng dụng công nghệ vào quản lý giáo dục, cải tiến phương pháp giảng dạy, trang thiết bị dạy học và nâng cao trải nghiệm của học sinh.

2. Chỉ tiêu cụ thể.

a. Kết quả giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục, phẩm chất, năng lực học sinh năm học 2024 - 2025 (đính kèm)

b. Chỉ tiêu về chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục, phẩm chất, năng lực học sinh năm học 2024 - 2025.

	Tổng	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ
I. Kết quả học tập											
1. Tiếng Việt		110		132		96		109		101	
Hoàn thành tốt		61	55,4	79	59,8	50	52,1	40	36,7	48	47,5
Hoàn thành		46	41,8	53	39,4	46	47,9	65	59,6	52	41,5
Chưa hoàn thành		3	2,8	1	0,8	0	0	4	3,7	1	1
2. Toán		110		132		96		109		101	
Hoàn thành tốt		63	57,3	86	65,2	48	50	40	36,7	45	44,5
Hoàn thành		44	39,9	45	34	48	50	64	58,7	54	53,5
Chưa hoàn thành		3	2,8	1	0,8	0	0	5	4,6	2	2
3. Đạo đức		110		132		96		109		101	
Hoàn thành tốt		66	60	84	63,6	54	56,3	56	51,4	64	63,4

Hoàn thành		44	40	48	36,4	42	43,7	53	48,6	37	36,6
Chưa hoàn thành		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. TNXH/ Khoa		110		132		96		109		101	
Hoàn thành tốt		64	58,2	92	69,7	54	56,3	47	43,1	57	56,4
Hoàn thành		46	41,8	40	30,3	43	4,7	62	56,9	44	43,6
Chưa hoàn thành		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Lịch sử- Địa lí								109		101	
Hoàn thành tốt								51	46,8	54	53,5
Hoàn thành								58	53,2	47	46,5
Chưa hoàn thành								0	0	0	0
6. Tiếng Anh						96		109		101	
Hoàn thành tốt						45	46,9	51	46,8	38	37,6
Hoàn thành						51	53,1	58	53,2	63	62,4
Chưa hoàn thành						0	0	0	0	0	0
7. Tin học						96		101		101	
Hoàn thành tốt						50	52,1	57	52,3	52	51,5
Hoàn thành						46	47,9	52	47,7	49	48,5
Chưa hoàn thành						0	0	0	0	0	0
8. Công nghệ						96		109		101	
Hoàn thành tốt						56	58,3	60	55	58	57,4
Hoàn thành						40	41,7	55	45	43	42,8
Chưa hoàn thành						0	0	0	0	0	0
10. Nghệ thuật (Âm nhạc)		110		132		96		109		101	
Hoàn thành tốt		59	53,6	80	60,6	50	52,1	40	36,7	52	51,5
Hoàn thành		51	46,4	52	39,4	46	47,9	69	63,3	49	48,5
Chưa hoàn thành		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11. Nghệ thuật (Mỹ thuật)		129		132		96		109		101	

Hoàn thành tốt		50	45,5	77	58,3	41	56,5	45	41,3	49	48,5
Hoàn thành		60	54,5	55	41,7	55	43,5	64	58,7	52	51,5
Chưa hoàn thành		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12. Hoạt động trải nghiệm		110		132		96		109		101	
Hoàn thành tốt		64	58,2	92	69,7	53	55,2	50	45,8	63	62,4
Hoàn thành		46	41,8	40	30,3	43	44,88	59	54,2	38	37,6
Chưa hoàn thành		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13. Giáo dục thể chất		110		132		93		109		101	
Hoàn thành tốt		61	55,5	80	60,6	49	51	62	56,9	50	49,5
Hoàn thành		49	44,5	52	39,4	47	49	47	43,1	51	50,5
Chưa hoàn thành		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
*Năng lực chung											
Tự chủ và tự học		110		132		96		109		101	
Tốt		63	57,3	86	65,2	50	52,1	51	46,8	55	54,5
Đạt		47	42,7	46	34,8	46	47,9	55	50,4	46	45,5
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	3	2,8	0	0
Giao tiếp và hợp tác		110		132		96		109		101	
Tốt		60	54,5	91	68,9	51	53,1	51	46,8	65	64,4
Đạt		50	45,5	41	31,1	45	46,9	55	50,4	36	35,6
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	3	2,8	0	0
GQVĐ và sáng tạo		110		132		96		109		101	
Tốt		61	55,5	81	61,4	50	52,1	51	46,8	53	52,5
Đạt		49	44,5	51	38,6	46	47,9	55	50,4	47	46,5
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	3	2,8	1	1

*Năng lực đặc thù											
Ngôn ngữ		110		132		96		109		101	
Tốt		63	57,3	89	67,4	50	52,1	45	41,2	59	58,4
Đạt		47	42,7	43	32,6	46	47,9	61	56	41	40,6
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	3	2,8	1	1
Tính toán		110		132		96		101		101	
Tốt		63	57,3	84	63,6	48	50	44	40,4	54	53,5
Đạt		47	42,7	48	36,4	48	50	62	56,8	45	44,5
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	3	2,8	2	2
Khoa học		110		132		96		109		101	
Tốt		62	56,4	79	59,8	50	52,1	45	41,2	59	58,4
Đạt		48	43,6	53	40,2	46	47,96	61	56	42	41,6
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	3	2,8	0	0
Thẩm mĩ		129		132		96		109		101	
Tốt		62	56,4	90	68,2	50	52,1	48	44	58	57,4
Đạt		48	43,6	42	31,8	46	47,9	61	56	43	4,6
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thể chất		110		132		96		109		100	
Tốt		64	58,2	95	72	49	51	48	44	70	69,3
Đạt		46	41,8	37	38	47	49	61	56	31	30,7
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Phẩm chất chủ yếu											
Yêu nước		110		132		96		109		101	
Tốt		84	76,4	97	73,5	53	55,2	54	49,5	75	74,3
Đạt		26	23,6	35	26,5	43	44,8	55	50,5	26	25,7
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhân ái		110		132		96		109		101	

Tốt		85	77,3	97	73,5	52	54,2	54	49,5	74	73,3
Đạt		25	22,7	35	26,5	44	45,8	55	50,5	27	26,7
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chăm chỉ		110		132		96		109		101	
Tốt		77	70	97	73,5	50	52,1	54	49,5	59	58,4
Đạt		33	30	35	26,5	49	47,9	55	50,5	42	41,6
Cần cố gắng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trung thực		110		134		96		109		101	
Tốt		78	70,9	98	73,5	51	53,1	54	49,5	78	77,2
Đạt		33	29,1	34	26,5	45	46,9	55	50,5	23	22,8
Cần cố gắng		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trách nhiệm		110		134		96		109		101	
Tốt		77	70	97	73,5	51	53,1	54	49,5	65	64,4
Đạt		33	30	35	26,5	45	46,9	55	50,5	36	35,6
Cần cố gắng		0	0	0	0	51	53,1	0	0	0	0
IV. Đánh giá KQGD		110		134		96		109		101	
- Hoàn thành xuất sắc		42	38,2	40	30,3	24	25	23	21,1	25	24,8
- Hoàn thành tốt		26	23,6	41	31,1	24	25	29	26,6	30	29,7
- Hoàn thành		39	35,5	50	37,9	48	50	57	52,3	45	44,5
- Chưa hoàn thành		3	2,7	1	0,8	0	0	0	0	1	1
V. Chương trình lớp học		110		132		96		109		106	
Hoàn thành		107	97,3	131	99,2	96	100	107	98,2	101	100
Chưa hoàn thành		3	2,7	1	0,8	0	0	2	1,8	0	0

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học.

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Phụ lục 1.1 – đính kèm)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học.

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.2 – đính kèm)

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày. (Phụ lục 1.3 – đính kèm)

3. Tổ chức thực hiện đối với các điểm trường: Trường Tiểu học Mỹ Thuận có 01 điểm trường chính và 01 điểm trường lẻ. Điểm trường lẻ - Khu B với 5 lớp với 195 học sinh thực hiện chương trình như các lớp ở điểm trường chính cũng như của nhà trường.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình quy định, Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tối thiểu là 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần.

Thực hiện Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2024 của của uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình, cụ thể đối với GD tiểu học:

1	Ngày tựu trường	Ngày 22/8/2025 đối với lớp 1, ngày 29/8/2025 đối với lớp 2,3,4,5
2	Ngày khai giảng	Ngày 05/9/2025.
3	Học kỳ I	Bắt đầu 05/9/2025 kết thúc 17/01/2026
4	Học kỳ II	Bắt đầu 19/01/2026 kết thúc trước 25/05/2026
5	Kết thúc năm học	Trước ngày 31/5/2026

*** Thời gian biểu hàng ngày.**

Hoạt động	Sáng	Chiều
Vào học	7 giờ 15 phút	14 giờ
Sinh hoạt đầu giờ	7 giờ 15 phút - 7 giờ 30 phút	

Học tiết 1	7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	14 giờ - 14 giờ 35 phút
Học tiết 2	8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	14 giờ 35 phút - 15 giờ 10 phút
Ra chơi	8 giờ 45 phút - 9 giờ 15 phút	15 giờ 10 phút - 15 giờ 40 phút
Học tiết 3	9 giờ 15 phút - 9 giờ 50 phút	15 giờ 40 phút - 16 giờ 15 phút
Học tiết 4	9 giờ 55 phút - 10 giờ 30 phút	

- Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn..)

- Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

- Thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như *Phụ lục 1.4 – đính kèm*

4.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*Phụ lục 1.4 đính kèm*)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (*Phụ lục 2 đính kèm*)

4.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*Phụ lục 1.4 đính kèm*)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2. (*Phụ lục 2 đính kèm*)

4.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*Phụ lục 1.4 đính kèm*)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3. (*Phụ lục 2 đính kèm*)

4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4 đính kèm)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4. (Phụ lục 2 đính kèm)

4.5. Đối với khối lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4 đính kèm)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5. (Phụ lục 2 đính kèm)

V. Giải pháp thực hiện.

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Thường xuyên bảo dưỡng, tu sửa và phát huy tác dụng cơ sở vật chất hiện có; chú trọng xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2...

- Tăng cường bổ sung cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hoá, nhằm đáp ứng yêu cầu dạy và học chương trình phổ thông 2018.

- Tham mưu với chính quyền địa phương để được đầu tư bổ sung trang thiết bị cho các phòng học như phòng học tiếng, phòng khoa học công nghệ, các phòng chức năng, khu hiệu bộ, nhà công vụ; trang bị các phương tiện, thiết bị dạy học, cơ sở vật chất khác đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học cũng như việc thực hiện chương trình phổ thông 2018. Tiếp tục tham mưu cho Đảng Uỷ, Uỷ ban xây dựng nhà đa năng theo tiêu chuẩn TT 13/2020 Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học, phân đầu năm 2025 trường được công nhận lại Kiểm định chất lượng giáo dục, chuẩn Quốc gia, đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, Thư viện Tiên Tiến gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao của địa phương.

- Tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

2. Thực hiện công tác đội ngũ.

- Tham mưu với UBND huyện để có đủ số giáo viên theo định mức. cụ thể:

+ Tổng số GV cần có trong năm học 2025-2026: 24

+ GVVH: 14 (thiếu 01)

+ GV dạy môn chuyên: 7

- Tạo điều kiện để các giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ tiếp tục học nâng cao. Kế hoạch sẽ có 4/4 GV có trình độ chưa đạt chuẩn sẽ theo học các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, sẽ hoàn thành trong năm học 2024 - 2025.

- Trong năm học có 100% giáo viên có chứng chỉ chức danh nghề nghiệp tương ứng với hạng đang giữ.

- Xây dựng nhà trường đạt chuẩn cơ quan văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ, quy chế làm việc trong nhà trường; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Tạo điều kiện cho CB, GV, NV phát triển chuyên môn, thăng tiến trong công việc: Bồi dưỡng tại chỗ và cử đi học, tham gia các khóa đào tạo của Hội đồng Anh (GV Tiếng Anh), kế toán trưởng (NV kế toán), tư vấn tâm lý (GV, NV), Chức danh nghề nghiệp (CBQL, GV)... Giao các nhiệm vụ mang tính thách thức (các chuyên đề, chương trình ngoại khóa, hướng dẫn đồng nghiệp), khích lệ và động viên CB, GV, NV hoàn thành nhiệm vụ. Quy hoạch nguồn và phát triển lực lượng giáo viên trẻ.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn.

- Đổi mới tổ chức các hoạt động giáo dục, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tạo hứng thú học tập cho học sinh; chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng, ý thức trách nhiệm với xã hội và cộng đồng, những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt cho học sinh; tổ chức tốt các cuộc thi, hội thi, giao lưu bằng nhiều hình thức, với nội dung phong phú, hấp dẫn thu hút học sinh tham gia; tiếp tục xây dựng văn hoá đọc trong các nhà trường, phát huy vai trò của thư viện; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học; tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm, rèn kỹ năng, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống...

- Triển khai và thực hiện thành công CTGDPT 2018 với chất lượng cao, đảm bảo học sinh được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực, cùng các kỹ năng theo yêu cầu. Tổ chức tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ; đầu tư CSVC trang thiết bị đáp ứng yêu cầu; thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, tổ môn/khối, môn học, kế hoạch dạy học của giáo viên; tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá đúng tinh thần đổi mới; thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn qua nghiên cứu bài học, hỗ trợ giáo viên dạy chương trình mới, định kỳ tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, đánh giá việc thực hiện chương trình...

- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, tin học; triển khai Chương trình môn tiếng Anh, hoạt động giáo dục Tin học tự chọn ở lớp 1, lớp 2, bắt buộc ở các lớp 3,4 và 5 đúng lộ trình, đảm bảo các yêu cầu của CTGDPT 2018; tiếp tục tổ chức dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần cho học sinh các khối lớp chưa thực hiện chương trình mới ở những trường đảm bảo điều kiện về giáo viên, CSVC, thiết bị dạy học. Tổ chức

các hoạt động và các sân chơi giao lưu tiếng Anh, kiểm tra, đánh giá cấp chứng chỉ tiếng Anh theo chuẩn quốc tế; phát động phong trào giáo viên các môn học khác cùng tham gia học tiếng Anh với học sinh...

- Khuyến khích triển khai dạy Toán và Khoa học bằng tiếng Anh, giáo dục STEM, Tin học theo chuẩn IC3. Hằng năm tổ chức giao lưu giải Toán bằng tiếng Anh, kiểm tra cấp chứng chỉ tin học theo chuẩn quốc tế... để thúc đẩy phong trào.

- Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống,; bảo đảm an ninh, an toàn trường học; tạo động cơ, phương pháp học tập đúng đắn trong học sinh, giúp học sinh nhận thức được mục tiêu học tập cụ thể, rõ ràng, từ đó các em có lòng say mê, hứng thú trong học tập và rèn luyện.

4. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học.

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục, trong đó thường xuyên tuyên báo cáo về thường trực Đảng, HĐND, UBND, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục, đặc biệt việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mà trọng tâm là thực hiện đối với cả 5 khối.

- Tổ chức và định hướng truyền thông, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin,. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của Ngành đến được từng cán bộ, giáo viên trong cơ sở giáo dục.

- Đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của lớp, trường, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để khích lệ các thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

- Tích cực đẩy mạnh công tác tham mưu, tuyên truyền để cấp uỷ đảng, chính quyền xã, các ban ngành, đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân hiểu về giáo dục và ủng hộ giáo dục.

5. Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá.

Năm học 2025 - 2026 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cả 5 khối và được đánh giá theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT với những nội dung cơ bản

- Thứ nhất, đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Thứ hai, đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh thông qua những phẩm chất chủ yếu và những năng lực cốt lõi như sau:

- + Những phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

+ Những năng lực cốt lõi gồm: Những năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và những năng lực đặc thù (ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất).

6. Triển khai thực hiện giáo dục STEM.

- Chỉ đạo giáo viên căn cứ vào các chủ đề STEM đã lựa chọn, căn cứ vào các trang thiết bị hiện có của nhà trường chuẩn bị tốt nhất các điều kiện để tổ chức bài học STEM, để học sinh được thực sự làm việc, thông qua thực làm, học sinh chiếm lĩnh được các kiến thức, kĩ năng cũng như phát triển được các năng lực, phẩm chất của bản thân.

- Ngoài mua sắm các thiết bị thuộc danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021, quan tâm đầu tư một số thiết bị tổ chức các hoạt động STEM như thiết bị phục vụ gia công, chế tạo như kéo, súng bắn keo nền, ..., thiết bị tiêu hao như giấy, keo, dây điện, bóng điện, ...; thiết bị công nghệ như máy tính, các cảm biến, máy chiếu, màn hình tương tác, ti vi,

- Khuyến khích giáo viên tăng cường sử dụng các vật liệu, công dụng, gia dụng, công nghệ sẵn có, dễ tiếp cận, chi phí rẻ và an toàn. Khuyến khích sử dụng các nguồn tài nguyên số hỗ trợ, thí nghiệm ảo, mô phỏng, phần mềm, có thể dễ dàng truy cập sử dụng trong và ngoài lớp học để học sinh chủ động học tập và khuyến khích sử dụng các vật liệu tái chế.

7. Lồng ghép kiến thức Quốc phòng An ninh, Quyền con người vào các môn học.

* Lồng ghép kiến thức Quốc phòng An ninh với các mục đích như sau:

- Hình thành cho HS những hiểu biết ban đầu về QPAN, về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, LLVTND; ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần đoàn kết, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.

- Từ đó phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào tự tôn dân tộc; nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ QPAN, bảo vệ Tổ quốc.

- Sau gần 40 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, đất nước ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch, đối tượng phản động, cơ hội chính trị trong và ngoài nước câu kết với nhau tăng cường hoạt động chống phá toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế, tư tưởng, VH.

- Nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo đảm an ninh quốc gia còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Nguy cơ tranh chấp biển, đảo, đe dọa chủ quyền lãnh thổ, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng...; xử lý quan hệ quốc tế, nhất là với nước lớn đứng trước nhiều thách thức.

* Lồng ghép kiến thức Quyền con người : Giáo dục quyền con người cho học sinh các cấp học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Mặc dù việc này đã được các nhà trường thực hiện từ nhiều năm học, song việc nắm bắt, áp dụng kiến thức quyền con người vào thực tiễn của học sinh còn hạn chế. Do đó, khi gặp phải những tình huống bị xâm phạm, học sinh thiếu bình tĩnh hoặc không có khả năng tự bảo vệ, lên tiếng để bảo vệ mình và người khác.

Để đưa nội dung quyền con người vào chương trình môn học, hoạt động giáo dục đạt hiệu quả, cần đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, toàn diện trong giáo dục quyền con người khi triển khai các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục. Trong đó, quan tâm tới các yếu tố về đặc điểm tâm lý, giới tính, lứa tuổi, năng lực học tập, văn hóa vùng miền cũng như niềm tin tôn giáo của học sinh trong việc thiết kế, xây dựng các hoạt động học tập. Việc đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục phải phát huy tinh thần tự chủ, tích cực, sáng tạo của giáo viên, tránh rập khuôn, máy móc khi tích hợp, lồng ghép nội dung này vào các bài học cũng như các hoạt động giáo dục của môn học.

8. Tham gia các hoạt động khác.

Tổ chức tốt các cuộc thi, giao lưu: Hùng biện Tiếng Anh, giải toán bằng Tiếng Anh, giải toán tuổi thơ, Trạng nguyên Tiếng Việt, Giao lưu phát triển năng lực học sinh, thi TĐTT, vẽ tranh " Ý tưởng trẻ thơ", "Chiếc ô tô mơ ước", luyện viết chữ đúng và đẹp. Nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học và đồ dùng dạy học tự làm trong tất cả các tiết học.

VI. Tổ chức thực hiện:

1. Hiệu trưởng.

- Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVN, bổ sung trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo trực tiếp khối 1,2,3,4,5 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

2. Phó Hiệu trưởng.

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 9 buổi/ tuần. Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Dự thảo Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học; đổi mới phương pháp dạy học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.

- Duyệt tất cả các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

3. Tổ trưởng tổ chuyên môn.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình.

- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

- Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

4. Tổng phụ trách Đội.

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự kiến kinh

phí thực hiện và thành phần tham gia cùng học sinh; lộ trình và thời gian (bắt đầu-kết thúc).

- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Giáo viên chủ nhiệm.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

6. Giáo viên phụ trách môn học.

- Chủ động nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa và các nội dung liên quan khác; tìm hiểu về đặc điểm đối tượng học sinh gồm: các đặc điểm về vùng miền; hoàn cảnh gia đình của học sinh; chất lượng học tập lớp dưới (dựa vào hồ sơ bàn giao chất lượng giáo dục)...; lập kế hoạch dạy học cho môn học, hoạt động giáo dục mình phụ trách, phù hợp điều kiện thực tiễn.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng. Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn. Chịu trách nhiệm chất lượng giáo dục môn học, hoạt động giáo dục phụ trách.

- Kết hợp với tổ chuyên môn, tổng phụ trách tham gia các hoạt động giáo dục tập thể, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm, hoạt động theo nhu cầu người học.

- Tích cực tự trau dồi phẩm chất đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ đúng với chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn do các cấp tổ chức.

7. Nhân viên Thư viện, Thiết bị.

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

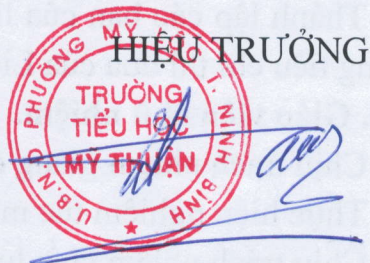
- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách.(về thời điểm? về cách tổ chức? Thành phần cần phối hợp để tổ chức...) để đảm hiệu quả hoạt động.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026. Kế hoạch giáo dục đã được báo cáo Hội đồng trường. Đề nghị tất cả giáo viên, các tổ chuyên môn, nhân viên và các bộ phận có liên quan nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình

thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì trao đổi với lãnh đạo nhà trường để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng GDTH- SGD&ĐT (để BC)
- Hội đồng trường;
- Tổ trưởng chuyên môn; GV (T/h)
- Lưu: hồ sơ, VT./.



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN CÔNG ĐẰNG

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	2024 - 2025
Trường :	TH Mỹ Thuận

Chất lượng giáo dục

	ST số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5			
			Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật
<i>quả học tập</i>																						
<i>ng Việt</i>	547	547	134	62			98	59			108	47	1		101	45	1	2	106	52		
thành tốt		297	72	36			54	38			59	29			52	31			60	35		
thành		247	59	25			44	21			49	18	1		49	14	1	2	46	17		
hoàn thành		3	3	1																		
<i>in</i>	547	547	134	62			98	59			108	47	1		101	45	1	2	106	52		
thành tốt		282	73	37			52	36			49	24			49	28			59	34		
thành		262	58	24			46	23			59	23	1		52	17	1	2	47	18		
hoàn thành		3	3	1																		
<i>o đức</i>	547	547	134	62			98	59			108	47	1		101	45	1	2	106	52		
thành tốt		307	76	38			56	39			63	33	1		52	31			60	36		
thành		238	56	23			42	20			45	14			49	14	1	2	46	16		
hoàn thành		2	2	1																		
<i>nhiên và Xã</i>	340	340	134	62			98	59			108	47	1									
thành tốt		187	75	39			54	38			58	30										
thành		150	56	22			44	21			50	17	1									
hoàn thành		3	3	1																		
<i>oa học</i>	207	207													101	45	1	2	106	52		
thành tốt		116													54	33			62	34		
thành		91													47	12	1	2	44	18		
hoàn thành																						
<i>&ĐL</i>	207	207													101	45	1	2	106	52		
thành tốt		111													50	31			61	35		
thành		96													51	14	1	2	45	17		

[illegible]

Đạt		213	58	25						30	13				27	6	1			53	16	1	2	45	15
Cần cố gắng		2	2																						
Thẩm mĩ	547	547	134	62						98	59				108	47	1			101	45	1	2	106	52
Tốt		334	78	40						68	46				81	41				46	28			61	37
Đạt		212	55	22						30	13				27	6	1			55	17	1	2	45	15
Cần cố gắng		1	1																						
Thế chất	547	547	134	62						98	59				108	47	1			101	45	1	2	106	52
Tốt		342	80	42						68	46				83	41				50	28			61	37
Đạt		204	53	20						30	13				25	6	1			51	17	1	2	45	15
Cần cố gắng		1	1																						
III. Phẩm chất chủ yếu																									
Yêu nước	547	547	134	62						98	59				108	47	1			101	45	1	2	106	52
Tốt		366	86	44						69	47				86	43	1			63	40	1		62	37
Đạt		180	47	18						29	12				22	4				38	5		2	44	15
Cần cố gắng		1	1																						
Nhân ái	547	547	134	62						98	59				108	47	1			101	45	1	2	106	52
Tốt		360	85	44						70	47				84	43	1			59	38	1		62	37
Đạt		186	48	18						28	12				24	4				42	7		2	44	15
Cần cố gắng		1	1																						
Chăm chỉ	547	547	134	62						98	59				108	47	1			101	45	1	2	106	52
Tốt		322	81	43						69	47				61	30				49	30			62	37
Đạt		224	52	19						29	12				47	17	1			52	15	1	2	44	15
Cần cố gắng		1	1																						
Trung thực	547	547	134	62						98	59				108	47	1			101	45	1	2	106	52
Tốt		347	79	41						71	48				86	43	1			49	30			62	37
Đạt		199	54	21						27	11				22	4				52	15	1	2	44	15
Cần cố gắng		1	1																						
Trách nhiệm	547	547	134	62						98	59				108	47	1			101	45	1	2	106	52
Tốt		341	79	41						69	47				83	41				48	29			62	37
Đạt		205	54	21						29	12				25	6	1			53	16	1	2	44	15
Cần cố gắng		1	1																						
IV. Đánh giá KQG	547	547	134	62						98	59				108	47	1			101	45	1	2	106	52
- Hoàn thành xuất		129	35	20						29	20				18	10				27	16			20	14

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
1. Môn học / hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TNXH/K H	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
5	LSĐL										70	36	34	70	36	34
6	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
7	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	GD thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	NT (Âm nhạc, mỹ	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	HD trải nghiệm/	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
2. Môn học củng cố, tăng cường																
	Tăng cường	245	126	119	245	126	119	140	72	68	70	36	34	70	36	34
	TỔNG	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	595	544

Phụ lục 1.2 : Các hoạt động tập thể trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Mùa thu ngày khai trường	Ngày hội đến trường	Toàn trường	Ngày 05/9	TPT + BGH	TPT, GVCN + HS toàn trường
Tháng 10	Em yêu trường em	Chúng em vui trung thu	Toàn trường	Ngày 06/10	TPT	PHT, TPT, GVCN
Tháng 11	Biết ơn thầy cô giáo	Hội diễn văn nghệ	Toàn trường	Ngày 20/11	TPT	PHT, TPT, GVCN
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Tìm hiểu về truyền thống Bộ đội Cụ Hồ	Toàn trường	Ngày 22/12	TPT	PHT, TPT, GVCN
Tháng 2	- Ngày Tết quê em - Mừng Đảng mừng xuân	- Trưng bày các sản phẩm STEM - Tìm hiểu ý nghĩa của ngày Tết. - Hội chợ tết quê em. Tìm hiểu về Đảng và Bác	Toàn trường	Ngày 08/02	TPT, GVCN	PHT, TPT, GVCN, + HS toàn trường
Tháng 3	Mẹ và cô giáo	Biểu diễn thời trang, văn nghệ chào mừng ngày 08/3	Toàn trường	Ngày 06/3	TPT	PHT, TPT, GVCN + HS toàn trường

Tháng 4	Mừng non sông đất nước thống nhất	Rung chuông vàng các khối Biểu diễn văn nghệ với chủ đề mừng non sông đất nước.	Toàn trường	Ngày 29/4	TPT	PHT,TPT,GVCN+ HS toàn trường
Tháng 5	Bác Hồ kính yêu và đội ta lớn lên cùng đất nước	Thi kể chuyện, vẽ tranh, đọc thơ về Bác Hồ và tìm hiểu về ngày thành lập Đội	Toàn trường	Ngày 15/5	TPT	PHT,TPT,GVCN+ HS toàn trường

Phụ lục 1.3: Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày.

STT	Nội dung	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần
Năm học 2025 – 2026 đối với khối 1**

TUẦN ĐẦU								
THỜI GIAN	01/9	02/9	03/9	04/9	05/9	06/9	07/9	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
Sáng	1					KHAI		
	2					GIẢNG		
	3					ATGT		
	4					ATGT		
Chiều	5							
	6							
	7							
Tổng số tiết/tuần:								

TUẦN 1								
THỜI GIAN	08/9	9/9	10/9	11/9	12/9	13/9	14/9	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
Sáng	1	HĐTN	Tiếng việt	Đạo đức	Tiếng việt	Tiếng việt		
	2	Tiếng việt	Tiếng việt	Đạo đức	Tiếng việt	Tiếng việt		
	3	Tiếng việt	Âm nhạc	Tiếng việt	GDTC	Toán		
	4	Toán	Toán	Tiếng việt	HĐTN	HĐTN		
Chiều	5	TN-XH	Tiếng việt	Tiếng việt	GDTC			
	6	TC	TC	TC	TC(MT)			
	7	ATGT	TC	TC	TN-XH			
Tổng số tiết/tuần:								